

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31

254  
CÔNG  
TH  
KIỂM  
VA  
H P

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Chủ tịch (Bầu ngày 15/12/2017)
Bà Trần Thị Nguyệt	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Đào Lân	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/12/2017)
Ông Trần Quốc An	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)
Ông Đinh Văn Đông	Thành viên (Bầu ngày 15/12/2017)
Ông Hoàng Việt Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Đào Lân	Thành viên (Bầu ngày 03/01/2018)
Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)
Ông Đặng Trần Lạc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)
Bà Nguyễn Thị Bích Đào	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thảo	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc An	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)
Ông Trần Đại Lý	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)
Ông Lang Văn Hiệu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/12/2017)

##### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Đào Lân	Chủ tịch HĐQT		Ngày 15/12/2017
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT	Ngày 15/12/2017	

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thảo**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 15 tháng 03 năm 2018

Số: 053 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") được lập Ngày 15 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, Báo cáo kiểm toán số 1255/2017/BC.KTTC-AASC.KT7 ngày 30 tháng 03 năm 2017 đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.



---

**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0657-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Ngày 15 tháng 03 năm 2018*

---

**Bùi Thị Phương**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2369-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị:  
VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>140.639.927.598</b>	<b>152.339.834.826</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>17.183.708.917</b>	<b>26.104.176.622</b>
1. Tiền	111		6.797.253.662	15.963.621.066
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.386.455.255	10.140.555.556
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>54.070.085.883</b>	<b>55.742.286.958</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	49.645.881.477	53.657.671.708
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.998.516.128	1.527.424.577
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	740.941.604	1.140.645.764
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(315.253.326)	(583.455.091)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>58.934.507.570</b>	<b>59.276.476.475</b>
1. Hàng tồn kho	141		59.334.507.570	59.676.476.475
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(400.000.000)	(400.000.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>451.625.228</b>	<b>1.216.894.771</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.575.000	1.034.798.288
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		450.050.228	182.096.483
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.511.572.913</b>	<b>17.176.808.789</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.761.004.639</b>	<b>14.721.834.150</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	14.716.004.639	14.676.834.150
- Nguyên giá	222		51.364.269.585	49.552.478.531
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.648.264.946)	(34.875.644.381)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	45.000.000	45.000.000
- Nguyên giá	228		85.953.000	85.953.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.953.000)	(40.953.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.211.355.697</b>	<b>627.966.016</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.211.355.697	627.966.016
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.539.212.577</b>	<b>1.827.008.623</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.539.212.577	1.827.008.623
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>158.151.500.511</b>	<b>169.516.643.615</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.339.852.456</b>	<b>94.817.760.771</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.055.448.079</b>	<b>88.603.505.040</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	49.235.894.046	60.075.727.697
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		340.609.373	286.661.678
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.868.614.623	2.606.282.815
4. Phải trả người lao động	314		3.081.672.336	3.642.516.748
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.494.299.227	3.481.381.757
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.419.241	373.953.998
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	770.156.334	932.906.594
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	15.711.279.568	16.608.821.486
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		306.503.331	595.252.267
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.284.404.377</b>	<b>6.214.255.731</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	5.933.404.377	5.853.255.731
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	351.000.000	361.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>77.811.648.055</b>	<b>74.698.882.844</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>77.811.648.055</b>	<b>74.698.882.844</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		423.999.999	423.999.999
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.137.662.201	8.137.662.201
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.249.985.855	6.137.220.644
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.249.985.855	6.137.220.644
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>158.151.500.511</b>	<b>169.516.643.615</b>



Nguyễn Văn Thảo  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Anh  
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 03 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		330.119.045.576	361.923.588.662
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.176.407.315	947.136.982
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	328.942.638.261	360.976.451.680
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	265.667.966.205	293.607.053.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.274.672.056	67.369.398.664
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.950.736.959	2.084.579.246
7. Chi phí tài chính	22	24	1.577.186.022	1.004.535.676
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		1.554.209.206	1.001.548.593
8. Chi phí bán hàng	24	25	30.960.950.129	32.819.237.989
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	20.075.340.447	24.254.587.982
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		12.611.932.417	11.375.616.263
11. Thu nhập khác	31		533.550.168	227.279.832
12. Chi phí khác	32		25.420.269	345.096.232
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		508.129.899	(117.816.400)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.120.062.316	11.257.799.863
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	2.670.076.461	2.320.579.219
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		10.449.985.855	8.937.220.644
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.708	1.333



Nguyễn Văn Thảo  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Anh  
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>13.120.062.316</b>	<b>11.257.799.863</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	2	2.760.968.377	2.772.262.792
Các khoản dự phòng	3	(268.201.765)	(121.244.909)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	400.366	(1.070.697)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(1.147.138.181)	(1.602.891.414)
Chi phí lãi vay	6	1.554.209.206	1.001.548.593
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu</b>	<b>8</b>	<b>16.020.300.319</b>	<b>13.306.404.228</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	854.569.486	(14.984.176.639)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	341.968.905	(8.196.050.998)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.607.181.248)	21.535.837.229
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.321.019.334	(809.210.348)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.554.780.333)	(1.001.548.593)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.341.171.219)	(2.337.841.982)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	33.150.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(354.501.704)	(1.088.726.167)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>713.373.540</b>	<b>6.424.686.730</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.386.029.192)	(2.053.405.472)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	44.590.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(70.242.666.667)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	60.242.666.667
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.184.195.972	1.057.176.960
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.157.242.311)</b>	<b>(10.996.228.512)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	37.829.396.499	17.750.064.653
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(38.736.938.417)	(13.625.455.903)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.568.656.650)	(5.394.617.650)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7.476.198.568)</b>	<b>(1.270.008.900)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(8.920.067.339)</b>	<b>(5.841.550.682)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>26.104.176.622</b>	<b>31.944.656.607</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(400.366)	1.070.697
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>17.183.708.917</b>	<b>26.104.176.622</b>



Nguyễn Văn Thảo  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Anh  
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2900491298 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30 tháng 01 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 16, đường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; tương đương 6.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 796 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 756 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thuốc chữa bệnh.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, hóa dược, nguyên liệu sản xuất thuốc, chế biến dược liệu;
- Sản xuất mỹ phẩm, chất tẩy rửa, xà phòng, làm bong và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh nhà thuốc, quầy thuốc;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, thuốc sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng, tài sản trên đất;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trong các cửa hàng chuyên doanh, nhà thuốc, quầy thuốc;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trong các cửa hàng chuyên doanh, nhà thuốc, quầy thuốc.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các đơn vị trực thuộc của Công ty:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Số 16, đường Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An,	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Nhà máy dược phẩm GMP-WHO	Số 68, đường Nguyễn Sỹ Sách, TP. Vinh, Nghệ An	Sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Thương mại Dược-Mỹ phẩm	Số 28, đường Lê Lợi, TP. Vinh, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm TP. Vinh	Số 28, đường Lê Lợi, TP. Vinh, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Công ty Dược vật tư Y tế Nghệ An tại Hà Nội	Số 124, đường Láng, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Anh Sơn	Thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Con Cuông	Thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Diễn Châu	Thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Đô Lương	Thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Hưng Nguyên	Thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Châu	Thị trấn Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Kỳ Sơn	Thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Nam Đàn	Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Nghi Lộc	Thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Nghĩa Đàn	Thị xã Thái Hòa, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quế Phong	Thị trấn Quế Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Lưu	Thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Hợp	Thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Tân Kỳ	Thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Thanh Chương	Thị trấn Dũng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Yên Thành	Thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017; Theo quy định tại Điều 28 của Luật về “Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý”, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất lâu dài (không trích khấu hao) và phần mềm kế toán (đã hết khấu hao).

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, Chi phí hỗ trợ chi nhánh sửa chữa đạt chuẩn GDP và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

**Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Nợ phải trả (Tiếp theo)**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hoặc tạm trích theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.186.436.525	2.035.917.542
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.610.817.137	13.927.703.524
Các khoản tương đương tiền (i)	10.386.455.255	10.140.555.556
	<b>17.183.708.917</b>	<b>26.104.176.622</b>

Ghi chú: (i) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 03 tháng với lãi suất 4,9%/năm.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<i>Ngắn hạn</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

Ghi chú: (i) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,3%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>49.645.881.477</b>	<b>53.657.671.708</b>
<i>Phải thu khách hàng tại Văn phòng Công ty</i>	<i>42.702.092.979</i>	<i>43.988.656.778</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm TENAMYD	6.654.262.641	7.246.066.782
Bệnh viện đa khoa Quỳnh Lưu	3.846.343.981	1.915.826.125
Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An	3.125.626.940	4.632.212.405
Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	3.597.801.143	1.759.093.682
Bệnh viện Ung Bướu - Nghệ An	2.915.426.968	4.197.907.921
Bệnh viện Giao Thông Vận Tải Vinh	1.292.024.261	2.150.811.082
Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An	1.137.896.596	2.566.350.962
Bệnh viện đa khoa Đô Lương	1.784.759.364	1.960.695.611
Bệnh viện đa khoa TP Vinh	1.222.578.679	1.604.669.668
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Tiến Thịnh	1.377.270.201	588.551.723
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Nam Sơn	1.163.676.851	-
Các đối tượng khác	14.584.425.354	15.366.470.817
<i>Phải thu khách hàng tại Chi nhánh</i>	<i>6.943.788.498</i>	<i>9.669.014.930</i>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.998.516.128</b>	<b>1.527.424.577</b>
KHS SYNCEMMICA CORP	3.421.862.500	-
Công ty CP Quản lý dự án và phát triển công nghệ G.A.T	426.699.000	425.880.000
Đối tượng khác	149.954.628	1.101.544.577

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>a, Phải thu khác ngắn hạn</i>	<i>740.941.604</i>	-	<i>1.140.645.764</i>	-
Lãi dự thu	398.731.594	-	545.714.454	-
Tạm ứng	157.270.045	-	319.336.274	-
Phải thu BHXH, BHYT, KPCĐ	-	-	72.123.463	-
Phải thu khác	184.939.965	-	203.471.573	-

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.243.310.081	-	26.312.620.534	-
Công cụ, dụng cụ	383.430.344	-	393.486.285	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.240.903.630	-	-	-
Thành phẩm	10.576.968.977	(400.000.000)	11.639.506.431	(400.000.000)
Hàng hoá	26.889.894.538	-	21.330.863.225	-
	<b>59.334.507.570</b>	<b>(400.000.000)</b>	<b>59.676.476.475</b>	<b>(400.000.000)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.575.000</b>	<b>1.034.798.288</b>
Chi phí bảo trì máy tính, phần mềm	1.575.000	49.628.501
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	953.333.332
Chi phí hỗ trợ chi nhánh sửa quầy đạt chuẩn GDP	-	31.836.455
Chi phí sửa chữa, cải tạo lại tài sản	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.539.212.577</b>	<b>1.827.008.623</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	851.899.726	802.465.175
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	79.812.851	1.024.543.448
Chi phí hỗ trợ chi nhánh sửa quầy đạt chuẩn GDP	607.500.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	28.064.303.638	17.559.300.440	3.078.763.841	850.110.612	49.552.478.531
XDCB dở dang	575.414.545	-	-	-	575.414.545
Tặng do mua sắm	573.365.875	1.653.859.091	-	-	2.227.224.966
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(990.848.457)	-	-	(990.848.457)
Số dư cuối năm	29.213.084.058	18.222.311.074	3.078.763.841	850.110.612	51.364.269.585
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	18.547.091.901	13.720.513.317	1.820.728.666	787.310.497	34.875.644.381
Khấu hao trong năm	1.364.593.667	1.147.351.020	203.585.976	45.437.714	2.760.968.377
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(988.347.812)	-	-	(988.347.812)
Số dư cuối năm	19.911.685.568	13.879.516.525	2.024.314.642	832.748.211	36.648.264.946
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	9.517.211.737	3.838.787.123	1.258.035.175	62.800.115	14.676.834.150
Tại ngày cuối năm	9.301.398.490	4.342.794.549	1.054.449.199	17.362.401	14.716.004.639

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 17.240.819.934 VND.

Giá trị còn lại các tài sản thế chấp khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.162.205.857 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	45.000.000	40.953.000	85.953.000
Số dư cuối năm	45.000.000	40.953.000	85.953.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ</b>			
Số dư đầu năm	-	40.953.000	40.953.000
Số dư cuối năm	-	40.953.000	40.953.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	45.000.000	-	45.000.000
Tại ngày cuối năm	45.000.000	-	45.000.000

Ghi chú:

(i) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Chi nhánh Quý Hợp.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 40.953.000 VND.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn</b>	<b>49.235.894.046</b>	<b>49.235.894.046</b>	<b>60.075.727.697</b>	<b>60.075.727.697</b>
<i>Tại Văn phòng Công ty</i>	<i>41.829.189.031</i>	<i>41.829.189.031</i>	<i>54.070.349.278</i>	<i>54.070.349.278</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm	9.440.550.000	9.440.550.000	16.892.833.650	16.892.833.650
CN Công ty CP Dược DANAPHA	2.773.738.374	2.773.738.374	3.940.740.817	3.940.740.817
Công ty TNHH DP Huy Cường	1.715.487.769	1.715.487.769	1.770.188.253	1.770.188.253
Công ty CP Việt Nam PHARUSA	2.323.102.029	2.323.102.029	827.143.290	827.143.290
Công ty CP Dược phẩm Vinh Phúc	2.501.814.002	2.501.814.002	2.942.555.757	2.942.555.757
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dược phẩm Việt Tín	3.373.221.519	3.373.221.519	5.214.640.208	5.214.640.208
CN Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn tại Hà Nội	1.133.800.000	1.133.800.000	162.750.000	162.750.000
Đối tượng khác	18.567.475.338	18.567.475.338	22.319.497.303	22.319.497.303
<i>Tại các Chi nhánh</i>	<i>7.406.705.015</i>	<i>7.406.705.015</i>	<i>6.005.378.419</i>	<i>6.005.378.419</i>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	-Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.500.000	4.043.464.447	4.047.964.447	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.492.209.875	2.670.076.461	2.341.171.219	2.821.115.117
Thuế thu nhập cá nhân	109.187.290	302.033.539	362.914.973	48.305.856
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	385.650	2.340.117.149	2.341.309.149	(806.350)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	23.000.000	23.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.606.282.815</b>	<b>9.378.691.596</b>	<b>9.116.359.788</b>	<b>2.868.614.623</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.494.299.227</b>	<b>3.481.381.757</b>
Trích trước chi phí lãi tiền vay	16.580.443	17.151.570
Chi phí vận chuyển, hỗ trợ bán hàng	423.641.312	1.668.895.913
Chi phí đồng phục nhân viên	-	800.168.649
Chi phí phải trả khác	1.054.077.472	995.165.625
<b>Cộng</b>	<b>1.494.299.227</b>	<b>3.481.381.757</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>770.156.334</b>	<b>932.906.594</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	112.098.251
Bảo hiểm xã hội	-	35.003.406
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	26.764.350
Phải trả Sở Tài chính về vốn người nghèo	-	96.110.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	770.156.334	662.930.587
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.933.404.377</b>	<b>5.853.255.731</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.933.404.377	5.853.255.731

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<i>Tại Văn phòng Công ty</i>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	5.043.060.000	5.043.060.000	19.914.459.999	28.592.655.749	13.721.255.750	13.721.255.750
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (ii)	9.457.252.500	9.457.252.500	16.747.252.500	7.290.000.000	-	-
<i>Vay cá nhân tại các Chi nhánh (iii)</i>						
Chi nhánh Diễn Châu	150.000.000	150.000.000	200.000.000	205.000.000	155.000.000	155.000.000
Chi nhánh Trung tâm Thương Mại	1.060.967.068	1.060.967.068	682.684.000	862.976.932	1.241.260.000	1.241.260.000
Chi nhánh Đô Lương	-	-	250.000.000	250.000.000	-	-
Chi nhánh Quỳnh Lưu	-	-	35.000.000	35.000.000	-	-
<b>Khoản vay từ nguồn vốn dự trữ miễn núi</b>						
Văn phòng công ty	-	-	-	827.514.140	827.514.140	827.514.140
Chi nhánh Anh Sơn	-	-	-	15.656.300	15.656.300	15.536.300
Chi nhánh Kỳ Sơn	-	-	-	90.000.000	90.000.000	90.000.000
Chi nhánh Nam Đàn	-	-	-	40.644.000	40.644.000	40.644.000
Chi nhánh Nghĩa Đàn	-	-	-	165.000.000	165.000.000	165.000.000
Chi nhánh Quế Phong	-	-	-	64.962.000	64.962.000	64.962.000
Chi nhánh Quỳnh Lưu	-	-	-	42.694.000	42.694.000	42.694.000
Chi nhánh Quỳnh Hợp	-	-	-	124.626.096	124.626.096	124.626.096
Chi nhánh Tân Kỳ	-	-	-	51.000.000	51.000.000	51.000.000
Chi nhánh Thanh Chương	-	-	-	20.293.000	20.293.000	20.293.000
Chi nhánh Tương Dương	-	-	-	48.916.200	48.916.200	48.916.200
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>351.000.000</b>	<b>351.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000</b>	<b>361.000.000</b>	<b>361.000.000</b>
<i>Vay cá nhân dài hạn</i>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>80.000.000</b>
<i>Vay vốn Nhà nước nhằm dự trữ thuộc phòng chống thiên tai (iv)</i>	<b>281.000.000</b>	<b>281.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>281.000.000</b>	<b>281.000.000</b>
Chi nhánh Nghi Lộc	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Chi nhánh Con Cuong	85.000.000	85.000.000	-	-	85.000.000	85.000.000
Chi nhánh Quỳnh Châu	96.000.000	96.000.000	-	-	96.000.000	96.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng số 125/17/HĐTD-NAN-KHDN ngày 14 tháng 03 năm 2017 với hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay 7,5%/năm. Tài sản thế chấp bằng tài sản đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 357900 do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp ngày 10 tháng 06/2005 tại số 68 Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Bình, thành phố Vinh.
- (ii) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD số 223.05.2017/HĐHM-SBNA ngày 14 tháng 03 năm 2017. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay quy định tại khế ước nhận nợ cụ thể và theo lãi suất cho vay từng thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi có giá trị 10 tỷ đồng.
- (iii) Là các khoản vay cán bộ nhân viên tại các Chi nhánh. Mục đích vay bổ sung nguồn vốn lưu động. Lãi suất cho vay khoảng 7%/năm.
- (iv) Là các khoản vay từ nguồn Vốn dự trữ miền núi và dự án dự trữ thuốc phòng chống thiên tai, không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND				
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	423.999.999	8.572.524.093	2.409.181.577	71.405.705.669	
Lãi trong năm	-	-	-	8.937.220.644	8.937.220.644	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.800.000.000)	(5.800.000.000)	
Tặng khác	-	-	-	590.818.423	590.818.423	
Giảm khác	-	-	(434.861.892)	-	(434.861.892)	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>423.999.999</b>	<b>8.137.662.201</b>	<b>6.137.220.644</b>	<b>74.698.882.844</b>	
Lãi trong năm	-	-	-	10.449.985.855	10.449.985.855	
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.000.000.000	(9.137.220.644)	(7.137.220.644)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>423.999.999</b>	<b>10.137.662.201</b>	<b>7.449.985.855</b>	<b>78.011.648.055</b>	
<b>Phân phối lợi nhuận trong năm</b>	<b>Số tiền (VND)</b>					
Trích quỹ Đầu tư phát triển (i)	2.000.000.000					
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016 (i)	537.220.644					
Chia cổ tức của năm 2016 (i)	3.600.000.000					
Tạm ứng cổ tức của năm 2017 (ii)	3.000.000.000					
Tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 (iii)	200.000.000					
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.137.220.644</b>					

**Ghi chú:**

- (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 04 năm 2017. Trong đó: đối với chia cổ tức tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng 6.000.000.000 đồng (Công ty đã tạm ứng trong năm 2017 là 2.400.000.000 đồng; Số còn lại trong năm 2017 là 3.600.000.000 đồng). Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 937.220.644 đồng (Công ty đã tạm trích trong năm 2017 là 400.000.000 đồng; Số còn lại phải trích trong năm 2017 là 537.220.644 đồng).
- (ii) Công ty tạm trích cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 theo Thông báo chi trả cổ tức 6 tháng đầu năm 2017 ngày 08 tháng 08 năm 2017 của Hội đồng quản trị.
- (iii) Trong năm, Công ty đang tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*b) Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu*

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Ngân Anh	15.444.000.000	25,74	2.188.250.000	3,65
Công ty CP Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội (i)	10.350.000.000	17,25	10.351.300.000	17,25
Công ty CP Chứng khoán Asean	6.000.000.000	10,00	6.000.000.000	10,00
Lê Thanh Dương	4.411.150.000	7,35	4.411.150.000	7,35
Đặng Trần Lạc	-	-	6.607.350.000	11,01
Các cổ đông khác	23.794.850.000	39,66	30.441.950.000	50,74
	<b>60.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100</b>

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 16 tháng 01 năm 2018, Công ty CP Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 1.035.000 cổ phiếu cho Công ty CP Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội.

*c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.600.000.000	5.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.600.000.000	3.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	3.000.000.000	2.400.000.000

*d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty*

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	501,40	512,40

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	326.940.500.643	358.783.122.759
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.178.544.933	3.140.465.903
	<b>330.119.045.576</b>	<b>361.923.588.662</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.176.407.315</b>	<b>947.136.982</b>
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	99.368.254	80.587.000
- Hàng bán bị trả lại	1.077.039.061	866.549.982
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>328.942.638.261</b>	<b>360.976.451.680</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	262.887.567.613	292.412.579.284
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	400.000.000
Chi phí sản xuất chung vượt định mức	2.780.398.592	794.473.732
	<b>265.667.966.205</b>	<b>293.607.053.016</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.105.047.917	1.602.891.414
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	63.653.750
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	845.689.042	415.623.007
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.070.697
Doanh thu tài chính khác	-	1.340.378
	<b>1.950.736.959</b>	<b>2.084.579.246</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.554.209.206	1.001.548.593
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	400.366	-
Chi phí tài chính khác	22.576.450	2.987.083
	<b>1.577.186.022</b>	<b>1.004.535.676</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	10.404.817.029	11.632.797.694
Chi phí đồ dùng văn phòng	507.717.218	2.826.974.276
Chi phí khấu hao TSCĐ	692.977.449	908.988.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.251.770.832	2.494.505.458
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(268.201.765)	(521.244.909)
Chi phí khác bằng tiền	7.486.259.684	6.912.567.316
<b>Cộng</b>	<b>20.075.340.447</b>	<b>24.254.587.982</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	21.860.948.593	20.716.120.392
Chi phí vật liệu, bao bì	1.359.874.268	773.298.437
Chi phí khấu hao TSCĐ	296.796.759	147.061.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.755.634.640	3.488.555.521
Chi phí bằng tiền khác	4.687.695.869	7.694.201.943
<b>Cộng</b>	<b>30.960.950.129</b>	<b>32.819.237.989</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.308.849.242	72.177.876.294
Chi phí nhân công	42.582.332.766	40.872.477.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.760.968.377	2.772.262.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.186.923.663	11.005.196.550
Chi phí khác bằng tiền	10.479.786.625	18.124.759.297
	<b>142.318.860.673</b>	<b>144.952.572.233</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>13.120.062.316</b>	<b>11.257.799.863</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	230.319.990	345.096.232
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>230.319.990</i>	<i>345.096.232</i>
- Các khoản chi phí không được trừ	22.919.624	345.096.232
- Thù lao thành viên HĐQT không điều hành	207.000.000	-
- Lỗ CLTG đánh giá lại tại 31/12/2017	400.366	-
Thu nhập chịu thuế	13.350.382.306	11.602.896.095
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2015</b>	<b>2.670.076.461</b>	<b>2.320.579.219</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.670.076.461</b>	<b>2.320.579.219</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	10.449.985.855	8.937.220.644
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	(200.000.000)	(937.220.644)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.249.985.855	8.000.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.708	1.333
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Trong năm, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 với số tiền là 200.000.000 đồng.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

***Hệ số đòn bẩy tài chính***

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	16.062.279.568	16.969.821.486
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(17.183.708.917)	(26.104.176.622)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	77.811.648.055	74.698.882.844
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.183.708.917	26.104.176.622
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.914.299.710	53.895.526.107
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>77.098.008.627</b>	<b>89.999.702.729</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	16.062.279.568	16.969.821.486
Phải trả người bán và phải trả khác	55.939.454.757	66.861.890.022
Chi phí phải trả	1.494.299.227	3.481.381.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.496.033.552</b>	<b>87.313.093.265</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.183.708.917	-	17.183.708.917
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.914.299.710	-	49.914.299.710
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>77.098.008.627</b>	<b>-</b>	<b>77.098.008.627</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Các khoản vay	15.711.279.568	351.000.000	16.062.279.568
Phải trả người bán và phải trả khác	50.006.050.380	5.933.404.377	55.939.454.757
Chi phí phải trả	1.494.299.227	-	1.494.299.227
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.211.629.175</b>	<b>6.284.404.377</b>	<b>73.496.033.552</b>
<b>Giá trị chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>9.886.379.452</b>	<b>(6.284.404.377)</b>	<b>3.601.975.075</b>

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.104.176.622	-	26.104.176.622
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.895.526.107	-	53.895.526.107
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.999.702.729</b>	<b>-</b>	<b>89.999.702.729</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Các khoản vay	16.608.821.486	361.000.000	16.969.821.486
Phải trả người bán và phải trả khác	61.008.634.291	5.853.255.731	66.861.890.022
Chi phí phải trả	3.481.381.757	-	3.481.381.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.098.837.534</b>	<b>6.214.255.731</b>	<b>87.313.093.265</b>
<b>Giá trị chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.900.865.195</b>	<b>(6.214.255.731)</b>	<b>2.686.609.464</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thuốc và diễn ra trên địa bàn tỉnh Nghệ An nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT và Ban giám đốc	2.241.984.752	2.129.344.500
	<u>2.241.984.752</u>	<u>2.129.344.500</u>

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Văn Thảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Anh  
Người lập biểu